



KẾT QUẢ
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ XIV ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(Đề cương thông báo nhanh, ban hành Kèm theo Công văn số 302-CV/BTGDVTU,
ngày 26/01/2026 của Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng họp từ ngày 19/01/2026 đến ngày 23/01/2026, tại Thủ đô Hà Nội, trong đó, Đại hội họp phiên trù bị ngày 19/01/2026, khai mạc chính thức ngày 20/01/2026. Đây là sự kiện chính trị đặc biệt trọng đại của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; là dấu mốc mở ra chặng đường phát triển mới của đất nước trong bối cảnh, cục diện và mục tiêu mới; là Đại hội của ý chí tự chủ chiến lược, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, của khát vọng vươn lên, của niềm tin son sắt vào con đường mà Đảng, Bác Hồ và Nhân dân ta đã lựa chọn.

Đại hội XIV diễn ra trong thời điểm lịch sử có ý nghĩa sâu sắc: Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đoàn kết, thống nhất, quyết tâm vững bước thực hiện thành công hai mục tiêu chiến lược: 100 năm đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam (1930 - 2030) và 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà nay là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1945 - 2045). Từ đó đặt ra yêu cầu: Phải nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng tình hình; phải quyết tâm đổi mới tư duy, hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực quản trị quốc gia; phải hành động mạnh mẽ, quyết liệt, đột phá, hiệu quả, vì một Việt Nam hoà bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Sau 5 ngày làm việc, với tinh thần làm việc nghiêm túc, trách nhiệm, khoa học, phát huy cao độ trí tuệ tập thể, dân chủ, đổi mới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã thành công tốt đẹp, với những kết quả nổi bật như sau:

Phần thứ nhất
QUÁ TRÌNH CHUẨN BỊ ĐẠI HỘI XIV

I- VỀ CHUẨN BỊ CÁC VĂN KIẾN TRÌNH ĐẠI HỘI

Nhận thức rõ tầm vóc lịch sử của Đại hội XIV của Đảng, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị đã đề ra kế hoạch tổng thể, xác định yêu cầu cao, toàn diện trong công tác chuẩn bị và tổ chức Đại hội.

1. Hội nghị Trung ương 8 họp từ ngày 02/10 đến ngày 08/10/2023 đã quyết định thành lập 5 Tiểu ban chuẩn bị Đại hội XIV của Đảng, gồm: (1) Tiểu ban

Văn kiện. (2) Tiểu ban Kinh tế - Xã hội. (3) Tiểu ban Điều lệ Đảng. (4) Tiểu ban Nhân sự. (5) Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội. Giúp việc cho các Tiểu ban có các Tổ Biên tập và Bộ phận giúp việc do Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định thành lập.

2. Hội nghị Trung ương 9 họp từ ngày 16/5 đến ngày 18/5/2024 đã thảo luận, cho ý kiến và cơ bản tán thành đề cương các dự thảo văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng: (1) Đề cương chi tiết Báo cáo chính trị. (2) Đề cương chi tiết Báo cáo đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030. (3) Đề cương Báo cáo về tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng trình Đại hội XIV của Đảng.

3. Hội nghị Trung ương 10 họp từ ngày 18/9 đến ngày 20/9/2024 thảo luận, thông qua nội dung cơ bản các dự thảo văn kiện trình Đại hội XIV: (1) Báo cáo chính trị. (2) Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam. (3) Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng. (4) Báo cáo đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030; phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng giao Bộ Chính trị chỉ đạo các Tiểu ban hoàn chỉnh các dự thảo văn kiện trên để lấy ý kiến đại hội đảng bộ cấp cơ sở theo quy định. Ngày 24/01/2025, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII họp bất thường đã thảo luận và ban hành Kết luận số 121-KL/TW về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Thực hiện chủ trương trên, hệ thống tổ chức đảng ở Trung ương được sắp xếp lại, thành lập mới 4 Đảng bộ trực thuộc Trung ương (gồm Đảng bộ các cơ quan Đảng Trung ương, Đảng bộ Chính phủ, Đảng bộ Quốc hội, Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương) và kết thúc hoạt động ban cán sự đảng, đảng đoàn.

4. Hội nghị Trung ương 11 họp từ ngày 10/4 đến ngày 12/4/2025 tiếp tục thảo luận, thông qua nội dung cơ bản các dự thảo văn kiện trình Đại hội XIV: (1) Báo cáo chính trị. (2) Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam. (3) Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. (4) Báo cáo đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030; phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng giao Bộ Chính trị chỉ đạo các Tiểu ban tiếp thu ý kiến của Trung ương, hoàn thiện các dự thảo văn kiện trên để lấy ý kiến đại hội đảng cấp cơ sở theo quy định. Tại Hội nghị Trung ương 11, trên cơ

sở đề xuất của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thống nhất thông qua Đề án về phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện, sắp xếp cấp xã và thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; sắp xếp các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ vào Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân; xây dựng hệ thống tổ chức đảng ở địa phương. Ngày 01/7/2025, cả nước đồng loạt thực hiện Đề án nên thời điểm tổ chức đại hội cấp cơ sở có sự thay đổi, đến ngày 31/7/2025, hoàn thành việc lấy ý kiến đại hội đảng cấp cơ sở đối với các văn kiện Đại hội XIV.

5. Hội nghị Trung ương 12 họp từ ngày 18/7 đến ngày 19/7/2025, với tinh thần đổi mới, sáng tạo, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII đã quyết định tích hợp nội dung 3 văn kiện gồm Báo cáo chính trị, Báo cáo kinh tế - xã hội, Báo cáo tổng kết xây dựng Đảng thành Báo cáo chính trị; thông qua nội dung cơ bản dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng gồm: (1) Dự thảo Báo cáo chính trị. (2) Dự thảo Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam. (3) Dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành Điều lệ Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất đánh giá "việc hợp nhất các báo cáo là tư duy mới, đột phá, tránh được sự trùng lặp, thiếu thống nhất giữa các báo cáo, thể hiện đúng tầm vóc của Báo cáo chính trị, bảo đảm nhất quán về quan điểm, chủ trương, các định hướng chiến lược, về các nhiệm vụ trọng tâm, các đột phá chiến lược. Cùng với hoàn thiện Dự thảo Báo cáo chính trị là xây dựng Chương trình hành động chung, thống nhất để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng".

6. Hội nghị Trung ương 13 họp từ ngày 06/10 đến ngày 08/10/2025 tiếp tục thảo luận các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng, nhất là những vấn đề còn ý kiến khác nhau, cập nhật những vấn đề mới chiến lược theo quan điểm chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm.

Ngày 15/10/2025, Bộ Chính trị đã công bố công khai toàn văn các dự thảo văn kiện Đại hội XIV của Đảng trên các phương tiện thông tin đại chúng để lấy ý kiến đóng góp của đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên và Nhân dân, đồng bào ta ở nước ngoài. Đến ngày 15/11/2025, có 40/40 đảng uỷ trực thuộc Trung ương, 138 lượt ý kiến của đại biểu Quốc hội và 13.595.659 ý kiến với 4.978.226 lượt cán bộ, đảng viên, Nhân dân trong nước, đồng bào ta ở nước ngoài tham gia góp ý các dự thảo văn kiện Đại hội XIV (tăng hơn 1 triệu lượt so với góp ý các dự thảo văn kiện Đại hội XIII). Các ý kiến đóng góp rất phong phú, đa dạng, thể hiện tinh thần sáng tạo, đồng thuận, tâm huyết, thẳng thắn, dân chủ, trách nhiệm cao với Đảng, với đất nước. Hầu hết các ý kiến thống nhất rất cao với việc Trung ương đổi mới xây dựng văn kiện và cơ bản thống nhất cao nội dung các

dự thảo văn kiện trình Đại hội XIV, đồng thời có nhiều góp ý sâu sắc có giá trị lý luận, thực tiễn.

7. Hội nghị Trung ương 14 họp từ ngày 05/11 đến ngày 06/11/2025 và Hội nghị Trung ương 15 họp từ ngày 22/12 đến ngày 23/12/2025 tiếp tục thảo luận và tán thành với Báo cáo của Bộ Chính trị về việc tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của 40 đảng bộ trực thuộc Trung ương, của đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên và Nhân dân vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất thông qua các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng gồm: (1) Dự thảo Báo cáo chính trị, kèm theo Chương trình hành động. (2) Dự thảo Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam. (3) Dự thảo Báo cáo tổng kết 15 năm thi hành Điều lệ Đảng và đề xuất, định hướng bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng giao Bộ Chính trị chỉ đạo tiếp thu và hoàn thiện các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng.

Nhìn chung, công tác chuẩn bị các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng được chuẩn bị công phu, nghiêm túc, bài bản, đổi mới khoa học, dân chủ, kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân. Ban Chấp hành Trung ương Đảng có 7 lần, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã có 14 cuộc, đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm có 16 cuộc làm việc với các Tiểu ban, Thường trực các Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIV. Đặc biệt, đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Tiểu ban Văn kiện, Trưởng Tiểu ban Nhân sự Đại hội XIV đã có trên 10 bài viết, nhiều bài phát biểu rất quan trọng về tiếp tục hoàn thiện và phát triển quan điểm, định hướng chiến lược đổi mới của Đảng ta, đất nước ta trong kỷ nguyên mới. Kết cấu các báo cáo logic, chặt chẽ; nội dung ngắn gọn, súc tích, hội tụ và kết tinh trí tuệ, ý chí, nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân ta; những quan điểm, chủ trương lớn, mới, đột phá, thể hiện tầm nhìn, tư duy chiến lược của Đảng, của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, khát vọng vươn lên của toàn Đảng, toàn dân ta trong công cuộc xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Các văn kiện trình Đại hội bao gồm: Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Dự thảo Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam; Dự thảo Báo cáo tổng kết 15 năm thi hành Điều lệ Đảng (2011 - 2025) và đề xuất, định hướng sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng. Trong đó, Dự thảo Báo cáo chính trị tích hợp đồng bộ 3 Báo cáo (*Báo cáo chính trị, Báo cáo kinh tế - xã hội và Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng*) tạo thành một chỉnh thể thống nhất, toàn diện, rõ trọng tâm, trọng điểm, ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ triển khai.

Các văn kiện Đại hội XIV của Đảng có *tính hành động cao*, trên cơ sở những quan điểm, mục tiêu, giải pháp, nhiệm vụ trong Dự thảo Báo cáo chính

trị, đã xây dựng dự thảo *Chương trình hành động*; đặc biệt, Bộ Chính trị, Tổng Bí thư Tô Lâm đã chỉ đạo lựa chọn một số vấn đề cốt lõi, đột phá chiến lược phát triển đất nước giai đoạn cách mạng mới trong dự thảo các văn kiện để xây dựng và ban hành 9 Nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị nhằm triển khai thực hiện ngay, thể hiện bước phát triển mới về tư duy, tầm nhìn và phương pháp lãnh đạo mới. Phương pháp xây dựng Văn kiện chuyển mạnh từ tiếp cận theo từng lĩnh vực sang tư duy tích hợp, xuyên suốt, gắn chặt tổng kết thực tiễn với nghiên cứu lý luận, kiên định và đổi mới, kế thừa và phát triển, xác định tầm nhìn chiến lược và định hướng cụ thể, có tính hành động cao.

II- VỀ CHUẨN BỊ NHÂN SỰ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ XIV

Cùng với việc chuẩn bị Văn kiện Đại hội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị và Tiểu ban Nhân sự đã dành nhiều công sức tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và chủ động chuẩn bị công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV theo hướng: Dân chủ, chặt chẽ, đồng bộ, khách quan, minh bạch, hiệu quả; có nhiều nội dung đổi mới về quan điểm, mục tiêu, yêu cầu, quy trình, cách làm đối với từng nhóm chức danh; đồng thời xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan tham mưu trong công tác giới thiệu, đề xuất và thẩm định nhân sự quy hoạch cán bộ cấp chiến lược.

Tại Hội nghị Trung ương 8, 10, 11, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xem xét, cho ý kiến giới thiệu nhân sự quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV; trên cơ sở đó, Bộ Chính trị xem xét, quyết định phê duyệt quy hoạch, rà soát, bổ sung quy hoạch với **200** nhân sự, gồm **171** nhân sự quy hoạch Ủy viên Trung ương Đảng chính thức; **29** nhân sự quy hoạch Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Tại Hội nghị Trung ương 10, 11, 12, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thảo luận và thông qua Phương hướng công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV; trong đó yêu cầu cụ thể về quan điểm chỉ đạo, nguyên tắc, mục tiêu, yêu cầu, tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, độ tuổi, quy trình giới thiệu, lựa chọn nhân sự và định hướng phân bổ cơ cấu, số lượng Ủy viên Trung ương Đảng khoá XIV; đồng thời, thống nhất rất cao về số lượng Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV để trình Đại hội XIV của Đảng xem xét, quyết định theo Quy chế bầu cử Đại hội.

Tại Hội nghị Trung ương 13, 14, 15, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII đã thống nhất và biểu quyết giới thiệu nhân sự tham gia Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV (*chính thức và dự khuyết; tái cử và tham gia lần đầu; trường hợp đặc biệt*).

Tại Hội nghị Trung ương 14, 15, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII đã định hướng, biểu quyết giới thiệu nhân sự tham gia Bộ Chính trị,

Ban Bí thư khoá XIV và giới thiệu nhân sự đảm nhiệm chức danh Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng và các chức danh chủ chốt của Đảng, Nhà nước khoá XIV, nhiệm kỳ 2026 - 2031; thông qua dự kiến danh sách Đoàn Chủ tịch, Đoàn Thư ký và Ban Thẩm tra tư cách đại biểu Đại hội XIV của Đảng để trình Đại hội XIV của Đảng xem xét, quyết định.

III- VỀ ĐẠI BIỂU DỰ ĐẠI HỘI

Các đại hội đảng bộ trực thuộc Trung ương đã chỉ định và bầu **1.586** đại biểu chính thức dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định và theo đúng số lượng đại biểu được Bộ Chính trị phân bổ cho từng đảng bộ trực thuộc Trung ương. Bộ Chính trị quyết định thành lập **40** đoàn đại biểu và cử các trưởng đoàn đại biểu; chỉ định **15** đại biểu thuộc các đảng bộ ngoài nước dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; phân công **163** đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII (cả chính thức và dự khuyết) tham gia sinh hoạt tại **40** đoàn đại biểu.

1. Đại biểu chính thức

Đại biểu được triệu tập là 1.586 đồng chí, trong đó:

- *Đại biểu đương nhiên:* **163** đồng chí (chiếm tỉ lệ 10,28%), bao gồm **145** đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng chính thức và **18** đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng dự khuyết khoá XIII.

- *Đại biểu được bầu:* **353** đồng chí (chiếm tỉ lệ 22,26%).

- *Đại biểu được chỉ định:* **1.070** đồng chí (chiếm tỉ lệ 67,47%).

Đại biểu nam có 1.285 đồng chí, chiếm 81,02%, đại biểu nữ có 301 đồng chí, chiếm tỉ lệ 18,98%. Đại biểu là người dân tộc thiểu số có 167 đồng chí, chiếm 10,53%. Đại biểu là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân có 1 đồng chí, chiếm 0,06%; đại biểu là Nhà giáo ưu tú có 10 đồng chí, chiếm 0,63%; đại biểu là Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú có 10 đồng chí, chiếm 0,63%; đại biểu là Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú có 3 đồng chí, chiếm 0,19%.

- *Về thời gian vào Đảng:* Từ tháng 8/1954 đến tháng 4/1975 có 2 đồng chí (0,06%). Từ tháng 5/1975 đến tháng 12/1986 có 53 đồng chí (3,34%). Từ tháng 01/1987 đến nay có 1.531 đồng chí (96,53%).

- *Về được tặng Huy hiệu Đảng:* 45 năm tuổi Đảng có 2 đồng chí (0,13%); 40 năm tuổi Đảng có 35 đồng chí (2,21%); 30 năm tuổi Đảng có 266 đồng chí (16,77%).

- *Dự Đại hội đại biểu toàn quốc:* Lần đầu có 1.066 đồng chí (67,21%); lần 2 có 357 đồng chí (22,51%); lần 3 có 110 đồng chí (6,94%); lần 4 có 36 đồng chí (2,27%); lần 5 có 12 đồng chí (0,76%); lần 6 có 5 đồng chí (0,32%).

- *Về địa bàn công tác:* Đại biểu xã, phường, đặc khu có 237 đồng chí (14,94%); tỉnh, thành phố và tương đương có 1.017 đồng chí (64,12%); đảng bộ

trực thuộc Trung ương có 317 đồng chí (19,99%); đảng bộ ngoài nước có 15 đồng chí (0,95%).

- *Về tham gia cấp uỷ:* Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng có 163 đồng chí (10,28%); Ủy viên Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố, Đảng bộ trực thuộc Trung ương, Đảng bộ Quân đội, Đảng bộ Công an Trung ương có 1.040 đồng chí (65,57%); giữ vị trí trong cấp uỷ có 244 đồng chí (15,38%).

- *Về trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ; học hàm, học vị:* Đại học: 281 đồng chí (17,72%); thạc sĩ: 939 đồng chí (59,21%); tiến sĩ: 366 đồng chí (23,08%); giáo sư, phó giáo sư: 70 đồng chí (4,41%).

- *Về nghề nghiệp của đại biểu:* Công nhân có 3 đồng chí (0,19%); văn nghệ sĩ có 2 đồng chí (0,13%); cán bộ, công chức, viên chức có 1.380 đồng chí (87,01%); quân đội có 110 đồng chí (6,94%); công an có 72 đồng chí (4,54%); ngành nghề khác có 19 đồng chí (1,20%).

- *Về trình độ lý luận chính trị:* Trình độ lý luận chính trị cao cấp, cử nhân: 1.576 đồng chí (99,37%). Trình độ lý luận chính trị trung cấp: 5 đồng chí (0,32%); trình độ lý luận chính trị sơ cấp: 5 đồng chí (0,32%).

- *Về độ tuổi:* Tuổi trung bình là 51,8 tuổi; trong đó dưới 30 tuổi: 2 đồng chí (0,13%); từ 30 đến 42 tuổi: 69 đồng chí (4,35%); từ 42 đến 52 tuổi: 736 đồng chí (46,41%); từ 52 đến 62 tuổi: 715 đồng chí (45,08%); từ 62 đến 70 tuổi: 64 đồng chí (4,04%). Đại biểu trẻ nhất là 29 tuổi; cao tuổi nhất là 69 tuổi.

- *Về tham gia cơ quan Đảng, Nhà nước:* Đại biểu Quốc hội có 138 đồng chí (8,70%); trưởng, phó ban đảng ở Trung ương có 63 đồng chí (3,97%); trưởng, phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương có 16 đồng chí (1,01%); bộ trưởng, thứ trưởng và tương đương có 93 đồng chí (5,86%); chủ tịch hội đồng dân tộc, chủ nhiệm các uỷ ban của Quốc hội, phó chủ tịch hội đồng dân tộc, phó chủ nhiệm các uỷ ban của Quốc hội và tương đương có 8 đồng chí (0,50%); cán bộ cấp vụ ở cơ quan Trung ương có 13 đồng chí (0,82%); sĩ quan trong các lực lượng vũ trang (công an, quân đội) có 130 đồng chí (8,20%); chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có 189 đồng chí (11,92%); trưởng, phó ban, sở, ngành cấp tỉnh, thành phố có 583 đồng chí (36,76%); lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể cấp xã có 233 đồng chí (14,69%); cán bộ lãnh đạo, chính quyền cấp xã có 232 đồng chí (14,63%); lãnh đạo chủ chốt các doanh nghiệp có 37 đồng chí (2,33%); hiệu trưởng, phó hiệu trưởng (giám đốc, phó giám đốc) học viện, trường đại học, viện nghiên cứu trực thuộc bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có 28 đồng chí (1,77%).

2. Đại biểu là khách mời

a) Đại hội có 205 đại biểu là khách mời trong nước dự Đại hội gồm: 128 đồng chí nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng (chính thức và dự khuyết)

từ khoá IV đến khoá VIII; 16 đồng chí Phó Chủ nhiệm, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương đang công tác không là Ủy viên Trung ương Đảng; 41 đồng chí phó trưởng các ban đảng ở Trung ương, bí thư, phó bí thư, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố, các đảng uỷ trực thuộc Trung ương nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ hưu đúng tuổi trong năm 2025 do hợp nhất, sáp nhập và không đủ tuổi tái cử; 20 đại biểu là Mẹ Việt Nam Anh hùng, nhân sĩ, trí thức, văn nghệ sĩ, chức sắc tôn giáo tiêu biểu; thanh niên tiêu biểu.

b) Khách mời quốc tế: Có 111 khách quốc tế, gồm các đại sứ, đại biện, trưởng đại diện tổ chức quốc tế tại Hà Nội. Ngoài ra, Đại hội đã nhận được 898 thư, điện mừng của các chính đảng, tổ chức quốc tế và khu vực, cá nhân, tổ chức nhân dân và hội đoàn người Việt Nam ở nước ngoài.

Phần thứ hai

NỘI DUNG ĐẠI HỘI

Tại Đại hội XIV, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII đã trình Đại hội các văn kiện gồm: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII; Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam; Báo cáo tổng kết 15 năm thi hành Điều lệ Đảng (2011 - 2025) và đề xuất định hướng bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng; Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII.

Tại Đại hội, đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm đã trình bày Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về các văn kiện Đại hội XIV của Đảng.

Với tinh thần dân chủ và trách nhiệm cao, tại Đại hội các đại biểu đã dành nhiều thời gian nghiên cứu kỹ các văn kiện và sôi nổi thảo luận với 815 lượt đồng chí phát biểu tại Đoàn và Hội trường.

Nội dung chính của các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng như sau:

I- BÁO CÁO CHÍNH TRỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ XIII

Báo cáo chính trị tích hợp đồng bộ 3 Báo cáo: Báo cáo chính trị, Báo cáo kinh tế - xã hội và Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng, trở thành một chỉnh thể thống nhất, toàn diện, rõ trọng tâm, trọng điểm, ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ triển khai. Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội là "*đột phá*" so với các đại hội trước đây, chỉ rõ "*chủ thể, lộ trình, nguồn lực, đích đến*" để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV.

Báo cáo chính trị được xây dựng với tinh thần cầu thị, khoa học và hành động, nhưng vẫn bảo đảm nguyên tắc trung thành tuyệt đối với đường lối, Cương lĩnh của Đảng, kiên định vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và kế thừa truyền thống nghìn năm văn hiến của dân tộc cùng trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân. Nội dung Báo cáo bám

sát thực tiễn, phản ánh trung thực nguyện vọng của Nhân dân, coi hiệu quả và tính khả thi là tiêu chuẩn quan trọng. Báo cáo nhấn mạnh yêu cầu đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và cơ chế "Đảng lãnh đạo - Nhà nước quản lý - Nhân dân làm chủ", đồng thời xác lập kỷ luật, kỷ cương và văn hoá trách nhiệm trong toàn hệ thống chính trị. Tư duy phát triển được đổi mới mạnh mẽ, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực trung tâm; lấy thể chế hiện đại và nguồn nhân lực chất lượng cao làm nền tảng; lấy phát triển xanh, bền vững, kinh tế tuần hoàn và thích ứng biến đổi khí hậu làm yêu cầu bắt buộc; coi hiệu quả sử dụng nguồn lực và năng suất lao động là thước đo tăng trưởng. Báo cáo đặc biệt chú trọng khâu tổ chức thực hiện, thiết kế chương trình hành động, cơ chế kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả, coi dữ liệu và phản hồi của Nhân dân là căn cứ điều chỉnh chính sách. Báo cáo đề cao tinh thần nêu gương của cán bộ, đảng viên, kiên trì phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, đồng thời xây dựng môi trường khuyến khích đổi mới sáng tạo, bảo vệ người dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, hướng tới một xã hội kỷ cương, văn minh, an ninh, an sinh, an toàn và phát triển.

Một số nội dung trọng tâm và điểm mới quan trọng của Dự thảo Báo cáo chính trị:

1. Dấu ấn nhiệm kỳ Đại hội XIII

Nhiệm kỳ Đại hội XIII diễn ra trong bối cảnh đất nước đối diện muôn vàn khó khăn, từ thiên tai, dịch bệnh, rủi ro an ninh phi truyền thống đến cạnh tranh chiến lược gay gắt và biến động kinh tế toàn cầu. Trong "sóng to gió lớn", Đảng ta đã thể hiện bản lĩnh vững vàng, kiên định mục tiêu, giữ vững định hướng, khơi dậy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, lãnh đạo đất nước hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ trọng tâm, nhiều chỉ tiêu đạt và vượt, tạo nền tảng cho bước phát triển mới.

1.1. Về kinh tế - xã hội

Về kinh tế, mặc dù phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức phát sinh không có tiền lệ, nhưng Đảng ta đã lãnh đạo, chỉ đạo duy trì tốt kinh tế, ổn định vĩ mô, giữ vững các cân đối lớn, kiểm soát tốt lạm phát, bội chi ngân sách; chủ động, linh hoạt trong điều hành; nỗ lực tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân; từng bước phục hồi và thúc đẩy tăng trưởng đạt mức cao so với các nước trong khu vực và thế giới; thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam tiệm cận mức trung bình cao; chỉ số hạnh phúc của Nhân dân tăng 37 bậc so với nhiệm kỳ trước; đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; tập trung phát triển hạ tầng chiến lược, nhất là hạ tầng giao thông, năng lượng, đô thị; thúc đẩy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh; khuyến khích đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Về văn hoá - xã hội, nhận thức về vai trò của văn hoá, con người trong phát triển bền vững ngày càng đầy đủ, toàn diện hơn. Từ đó, đã chú ý công tác chăm lo an sinh xã hội; xoá đói, giảm nghèo; phát triển giáo dục, đào tạo; nâng cao chất lượng y tế, nhất là y tế dự phòng; chú trọng bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội; khơi dậy tinh thần nhân ái, nghĩa tình, tương thân tương ái. Đặc biệt, đã kiên trì chuyển đổi tư duy từ "tăng trưởng bằng mọi giá" sang "tăng trưởng có chất lượng"; từ "quản lý bằng mệnh lệnh hành chính" sang "quản trị phát triển dựa trên pháp luật và dữ liệu"; từ cơ chế "xin - cho" sang "minh bạch, cạnh tranh, trách nhiệm giải trình"; lấy chất lượng sống và hạnh phúc của Nhân dân làm mục tiêu tối thượng; từng bước hình thành nền tảng để đất nước phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn tới.

1.2. Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hội nhập quốc tế

Về quốc phòng, an ninh, đã xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và thế trận lòng dân vững chắc, kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ với phương châm "bảo vệ đất nước từ sớm, từ xa, từ khi nước chưa nguy"; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; chủ động phòng ngừa, đấu tranh hiệu quả với các loại tội phạm, nhất là tội phạm công nghệ cao, tội phạm xuyên quốc gia; nâng cao năng lực ứng phó với thiên tai, dịch bệnh và các thách thức an ninh phi truyền thống.

Về đối ngoại và hội nhập quốc tế, đã triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc; kết hợp nhuần nhuyễn giữa đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng; khai thác hiệu quả các khuôn khổ hợp tác; mở rộng không gian phát triển; củng cố môi trường hoà bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước.

1.3. Về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

Đã tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; siết chặt kỷ luật, kỷ cương; nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng; đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; cải cách hành chính; hoàn thiện hệ thống pháp luật; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tiếp tục được đẩy mạnh với quyết tâm cao, "không có vùng cấm, không có ngoại lệ"; tạo sức răn đe, cảnh tỉnh, góp phần quan trọng nâng cao sức chiến đấu của Đảng và củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Từ thực tiễn cách mạng và nguyện vọng của Nhân dân, Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá XIII đã chỉ đạo triển khai đồng bộ, quyết liệt cuộc cách mạng về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, giảm đầu mối, tăng nấc trung gian; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát quyền lực; sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã, không tổ chức cấp huyện, mở rộng không gian phát triển; tạo động lực mới để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và phục vụ Nhân dân.

1.4. Về hạn chế

Bên cạnh những thành tựu rất quan trọng và đáng trân trọng, kết quả triển khai các nhiệm vụ trong nhiệm kỳ vừa qua cũng còn những hạn chế, yếu kém: Nhiều điểm nghẽn về thể chế chậm được khắc phục, nguồn lực, công nghệ, hạ tầng còn hạn chế; công tác tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối còn là điểm yếu; còn nhiều tồn tại về kỷ luật, kỷ cương; chất lượng một bộ phận cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu; tình trạng lãng phí ở một số nơi chưa được ngăn chặn hiệu quả; một số vấn đề xã hội, môi trường còn bức xúc; những thách thức mới về an ninh, nhất là an ninh mạng, an ninh kinh tế, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước.

Nhìn chung, Báo cáo đã thẳng thắn, khách quan chỉ ra những tồn tại, hạn chế với phương châm "Nhận diện đúng để hành động đúng; kết luận đúng để giải pháp đúng". Và quan trọng nhất: Phải biến quyết tâm chính trị thành hành động thực thi hiệu quả, biến chủ trương đúng thành kết quả thiết thực, cụ thể.

1.5. Bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn lãnh đạo cách mạng qua bốn thập kỷ đổi mới, Báo cáo đã đúc kết 5 bài học kinh nghiệm:

Thứ nhất, kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội, đường lối đổi mới của Đảng, các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; lấy phát triển để ổn định, ổn định để phát triển bền vững; không ngừng nâng cao đời sống nhân dân; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; chủ động, tích cực hội nhập sâu rộng vào nền chính trị thế giới, nền kinh tế quốc tế và nền văn minh nhân loại, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Thứ hai, giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; bộ máy tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; kiên quyết, kiên trì phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ cấp cơ sở gần dân, vì

dân, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ. Đề cao trách nhiệm, vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu.

Thứ ba, quán triệt sâu sắc và thực hành triệt để quan điểm "*Dân là gốc*", phát huy vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của Nhân dân. Tăng cường củng cố và phát huy sức mạnh của Nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; thực hành "*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*". Thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Lấy sự hài lòng, tín nhiệm của người dân, doanh nghiệp và hiệu quả công việc làm tiêu chí đánh giá cán bộ.

Thứ tư, bám sát thực tiễn, dự báo đúng tình hình; phản ứng chính sách chủ động, linh hoạt, kịp thời, phù hợp; lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm; phân công, phân cấp, phân quyền rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả; kiểm tra, giám sát chặt chẽ; nâng cao chất lượng thể chế; tháo gỡ điểm nghẽn, khơi thông và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ năm, không ngừng đổi mới tư duy, nhất là tư duy chiến lược; nhất quán, kiên định về chiến lược, linh hoạt, mềm dẻo về sách lược; tôn trọng quy luật khách quan, phòng, chống bệnh chủ quan, duy ý chí, giáo điều, cơ hội, bảo thủ...

2. Bối cảnh mới và vận hội mới

Bước vào giai đoạn mới, thế giới được dự báo tiếp tục chuyển dịch mạnh về cấu trúc quyền lực, mô hình tăng trưởng và trật tự kinh tế; các xu hướng lớn như chuyển đổi số, kinh tế xanh, chuyển đổi năng lượng, kinh tế tuần hoàn, tái cấu trúc chuỗi cung ứng, cạnh tranh công nghệ, an ninh dữ liệu; cùng với các thách thức như biến đổi khí hậu, già hoá dân số, bất bình đẳng, rủi ro xung đột... đặt ra yêu cầu phải nâng cao năng lực thích ứng và năng lực tự chủ chiến lược.

Đối với Việt Nam, thời cơ và thách thức đặt ra là rất lớn và đan xen. Thời cơ đến từ thành quả đổi mới, từ vị thế quốc tế ngày càng được củng cố, từ thị trường rộng mở, từ sự phát triển của khoa học, công nghệ, từ khát vọng vươn lên mạnh mẽ của Nhân dân. Thách thức đến từ những điểm nghẽn nội tại, từ yêu cầu phát triển nhanh và bền vững, từ sức ép cạnh tranh gay gắt, từ rủi ro tụt hậu về công nghệ và chất lượng nguồn nhân lực, từ tác động ngày càng nặng nề của biến đổi khí hậu, trở thành "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ...

Trong bối cảnh đó, Đảng đã xác định điều cốt lõi là phải đột phá tư duy phát triển theo nguyên tắc: Đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết; Nhân dân là trung tâm; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động

lực; thể chế hiện đại là nền tảng; kỷ luật thực thi làm bảo đảm; lấy sức mạnh đại đoàn kết là điểm tựa.

Trên tinh thần đó, Trung ương, Bộ Chính trị khoá XIII đã chỉ đạo đổi mới trong xây dựng Văn kiện; đổi mới trong cách ban hành và triển khai các nghị quyết chiến lược; đổi mới trong việc xác định các đột phá chiến lược, các ưu tiên thực hiện; đổi mới trong tổ chức thực hiện với tinh thần rõ việc, rõ người, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời hạn, rõ sản phẩm; đổi mới trong công tác kiểm tra, giám sát; đổi mới trong phong cách lãnh đạo: Gần dân, sát cơ sở, trọng dân, học dân, dựa vào dân.

Xác định cải cách tổ chức bộ máy và sắp xếp lại đơn vị hành chính là yêu cầu từ thực tiễn khách quan, là phương tiện để mở rộng không gian phát triển, phân bổ lại nguồn lực, tăng hiệu quả phục vụ Nhân dân, giảm chi phí xã hội, giảm thủ tục hành chính và tăng kỷ luật thực thi. Cải cách càng sâu, càng phải dựa vào Nhân dân, làm tốt công tác tư tưởng, bảo đảm đồng thuận, công khai, minh bạch, công bằng.

3. Mục tiêu phát triển 2026 - 2030 và tầm nhìn 2045

3.1. Phương châm của Đại hội

Phương châm Đại hội "*Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển*" không chỉ là lời hiệu triệu mà còn là mệnh lệnh của trách nhiệm trước lịch sử. Chủ đề Đại hội: "*Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân chung sức đồng lòng, quyết tâm đổi mới, hành động vì một Việt Nam hoà bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội*" đòi hỏi phải đoàn kết hơn, kỷ luật hơn, sáng tạo hơn; đồng thời phải khiêm tốn học hỏi, biết lắng nghe, biết sửa mình để hoàn thiện và tiến bộ không ngừng. Đại hội XIV có trọng trách lịch sử xác lập những quyết sách mang tính "*bệ phóng*" để thực hiện thành công hai mục tiêu chiến lược 100 năm của đất nước.

3.2. Mục tiêu tổng quát

Giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; phát triển nhanh, bền vững đất nước; cải thiện và nâng cao toàn diện đời sống nhân dân; tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên mới của dân tộc; thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; hiện thực hoá tầm nhìn đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao, là một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa hoà bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân cho giai đoạn 2026 - 2030 từ **10%/năm** trở lên; GDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng **8.500 USD/năm**.

3.3. Quan điểm chỉ đạo

Để thực hiện mục tiêu phát triển đất nước trong giai đoạn tới, Báo cáo xác định 5 quan điểm chỉ đạo lớn:

Thứ nhất: Kiên định hệ quan điểm chỉ đạo mang tính nguyên tắc về sự lãnh đạo của Đảng, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đổi mới, không ngừng bổ sung, hoàn thiện phù hợp với thực tiễn; phát huy tự chủ chiến lược, xác lập mô hình phát triển mới, lấy phát triển để ổn định, ổn định để thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững đất nước, nâng cao đời sống và hạnh phúc của Nhân dân, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai: Nhận diện sớm, tranh thủ mọi thuận lợi, thời cơ, vượt qua mọi khó khăn, thách thức; kết hợp chặt chẽ, đồng bộ các nhiệm vụ: Phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hoá, con người là nền tảng; tăng cường quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên.

Thứ ba: Khơi dậy mạnh mẽ truyền thống yêu nước, khát vọng phát triển, tinh thần đoàn kết, ý chí tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc; phát huy sức mạnh văn hoá, con người thành nguồn lực nội sinh, động lực phát triển. Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nhanh, bền vững; tháo gỡ điểm nghẽn, nút thắt; khơi thông, giải phóng sức sản xuất và mọi nguồn lực. Xác lập mô hình tăng trưởng mới; thực hiện đồng bộ chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; thu hút, trọng dụng nhân tài, phát triển lực lượng sản xuất mới.

Thứ tư: Phát huy sức mạnh, bản lĩnh, trí tuệ của con người Việt Nam, khôi đại đoàn kết toàn dân tộc và thế trận lòng dân; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; chủ động, kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Gắn kết chặt chẽ, hài hoà giữa phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, môi trường với củng cố quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập. Bảo đảm, bảo vệ cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc.

Thứ năm: Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; giữ vững đoàn kết, thống nhất; vận hành thông suốt, đồng bộ, hiệu quả tổ chức bộ máy mới; nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng và năng lực quản lý, quản trị, kiến tạo phát triển của Nhà nước; không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên thật sự tiêu biểu về bản lĩnh chính trị, phẩm chất, năng lực, uy tín. Thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của Nhân dân; tăng cường kiểm soát quyền lực; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ.

4. Định hướng lớn

4.1. Hoàn thiện thể chế phát triển và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Báo cáo đã chỉ rõ, thể chế là *"điểm nghẽn của điểm nghẽn"* nhưng cũng là *"đột phá của đột phá"*. Phải tiếp tục hoàn thiện thể chế phát triển, trọng tâm là hệ thống pháp luật, đưa thể chế thành lợi thế cạnh tranh, tháo gỡ rào cản, khơi thông nguồn lực, tạo động lực phát triển; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng; đổi mới mạnh mẽ phương thức quản trị phát triển quốc gia theo hướng hiện đại, minh bạch, trách nhiệm giải trình cao; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát quyền lực; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, liêm chính, phụng sự.

Kiên quyết xóa bỏ cơ chế *"xin - cho"*, tinh giản tối đa thủ tục hành chính; đẩy mạnh số hoá toàn diện, toàn trình; liên thông dữ liệu; lấy thời gian, chi phí và sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo chất lượng cải cách; bảo đảm môi trường đầu tư kinh doanh an toàn, minh bạch, cạnh tranh lành mạnh.

Song song với cải cách, phải xây dựng kỷ luật pháp quyền và kỷ luật thực thi. Kiên quyết khắc phục bằng được tình trạng *"Luật thì đúng mà làm thì khó"*, *"trên nghị trường thì thông, dưới cơ sở thì vướng"*; tình trạng *"trên nóng, dưới lạnh"*, *"nói nhiều, làm ít"*; tình trạng *"quyết sách đúng nhưng thực thi chậm"*, gây lãng phí nguồn lực, làm giảm niềm tin của Nhân dân. Đồng thời, phải thiết kế cơ chế kiểm soát quyền lực, để quyền lực luôn trong khuôn khổ pháp luật, đạo đức, văn hoá, truyền thống dân tộc và niềm tin của Nhân dân.

4.2. Xác lập mô hình tăng trưởng mới

Yêu cầu đặt ra xuyên suốt cho giai đoạn tới là phát triển nhanh, nhưng phải bền vững. Theo đó, tăng trưởng phải dựa chủ yếu vào năng suất, chất lượng, hiệu quả, đổi mới sáng tạo; giảm dần phụ thuộc vào khai thác tài nguyên, lao động giá rẻ; phát triển đồng bộ công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ theo chuỗi giá trị; hình thành các cực tăng trưởng mạnh, các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị, các đặc khu kinh tế thể hệ mới ngang tầm khu vực và toàn cầu; xây dựng trung tâm tài chính quốc tế, các trung tâm dịch vụ, du lịch chất lượng cao; các trung tâm logistics lớn gắn với các cảng biển, cảng hàng không trung chuyển quốc tế, các cửa khẩu quốc tế lớn, hiện đại, tự động hoá cao; nâng cao năng lực tự chủ về công nghệ và chuỗi cung ứng trong những lĩnh vực trọng yếu.

Chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng phải được triển khai quyết liệt, bài bản, gắn với an ninh năng lượng, an ninh môi trường và yêu cầu cạnh tranh của nền kinh tế. Phát triển kinh tế tuần hoàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên; thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao tiêu chuẩn; chủ động thích ứng với các chuẩn mực mới của thương mại và đầu tư toàn cầu.

Phát huy mạnh mẽ vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước; phát triển khu vực kinh tế tư nhân thực sự là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; thu

hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc gắn với chuyển giao công nghệ. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, bảo đảm quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh theo pháp luật; khuyến khích doanh nghiệp trong nước lớn mạnh, có năng lực cạnh tranh quốc tế; đồng thời thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp với viện nghiên cứu, trường đại học; đưa tri thức và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh.

4.3. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được xác định trở thành động lực then chốt của tăng trưởng; là nền tảng nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh; là công cụ nâng cao hiệu quả quản trị; là phương thức để tạo ra các mô hình kinh doanh mới, việc làm mới, giá trị gia tăng mới.

Tập trung phát triển hạ tầng số, dữ liệu số; xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; bảo đảm an ninh mạng, an toàn dữ liệu; đẩy mạnh ứng dụng, phổ cập kỹ năng số, thu hẹp khoảng cách số; tạo môi trường thử nghiệm, khuyến khích đổi mới, bảo vệ sáng tạo; phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo gắn với doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học; đưa khoa học, công nghệ vào từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương.

Chú trọng phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ. Phải có cơ chế trọng dụng nhân tài, cơ chế đánh giá dựa trên sản phẩm, cơ chế tài chính linh hoạt, cơ chế hợp tác công tư, cơ chế đặt hàng nhiệm vụ khoa học gắn với yêu cầu phát triển. Công nghệ phải đi vào đời sống, phục vụ người dân, nâng năng suất lao động, giảm chi phí xã hội.

4.4. Phát triển văn hoá và con người

Phát triển bền vững trước hết phải dựa vào con người và văn hoá. Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng bộ trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá và chuẩn mực con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới; khơi dậy tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, khát vọng vươn lên; nuôi dưỡng lòng nhân ái, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ luật; tạo dựng môi trường văn hoá lành mạnh trong gia đình, nhà trường, cộng đồng và không gian mạng.

Hoàn thiện chính sách xã hội theo hướng toàn diện, hiện đại, hướng tới bao trùm, công bằng và hiệu quả; bảo đảm an sinh xã hội; phát triển y tế, giáo dục; chú trọng chăm sóc sức khoẻ nhân dân; giảm nghèo bền vững; nâng cao chất lượng đời sống; tăng trưởng kinh tế phải gắn kết chặt chẽ với tiến bộ và công bằng xã hội, để đời sống vật chất và tinh thần của người dân không ngừng được nâng cao, để xã hội thực sự hài hoà, dân chủ, để người dân tin vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

4.5. Quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Báo cáo đã xác định, tăng cường quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên. Giữ vững môi trường hoà bình, ổn định là điều kiện tiên quyết để phát triển. Tiếp tục củng cố quốc phòng,

an ninh; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; chủ động nắm chắc tình hình; nâng cao năng lực dự báo, phòng ngừa, xử lý kịp thời các tình huống; kiên quyết không để bị động, bất ngờ.

Đối ngoại tiếp tục giữ vai trò tiên phong trong bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc; kiên định độc lập, tự chủ; đồng thời chủ động, tích cực và có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; tận dụng hiệu quả các cơ hội hợp tác; đưa các quan hệ đối tác đi vào chiều sâu, thực chất; kết hợp chặt chẽ giữa đối ngoại với quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế; giữ vững nguyên tắc nhưng mềm dẻo, linh hoạt về sách lược.

Bảo đảm an ninh quốc gia trong giai đoạn mới được xác định bao gồm các vấn đề an ninh biên giới, lãnh thổ, mà còn là an ninh chế độ, an ninh văn hoá tư tưởng, an ninh kinh tế, an ninh tài chính, an ninh dữ liệu, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực... Phát triển bền vững và tự chủ chiến lược phải được đặt trong tổng thể nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ cơ sở, từ nơi xuất phát.

4.6. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện, văn minh là điều kiện quyết định mọi thắng lợi. Phải nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; kiên trì xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức; đổi mới tổ chức bộ máy; đẩy mạnh kiểm soát quyền lực; kiên quyết, kiên trì phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

Công tác cán bộ tiếp tục được xác định là *"then chốt của then chốt"*: Chọn đúng người, giao đúng việc, đặt đúng chỗ; đánh giá cán bộ bằng sản phẩm, bằng hiệu quả, bằng uy tín trong Nhân dân; kết hợp nghiêm minh kỷ luật với cơ chế bảo vệ hiệu quả cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; không để những phần tử *"cơ hội"*, *"chạy chức, chạy quyền"* len lỏi vào tổ chức.

Quản trịệt nguyên lý Đảng mạnh là vì có kỷ luật nghiêm, có đạo đức cách mạng, có tinh thần phụng sự. Theo đó, đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải tự soi, tự sửa; phải giữ mình trước cám dỗ; phải biết xấu hổ khi dân còn khó khăn, còn bức xúc; phải coi danh dự là điều thiêng liêng; coi liêm chính là phẩm chất nền tảng.

4.7. Xây dựng xã hội

Xây dựng một xã hội lành mạnh về đạo đức, kỷ cương về pháp luật, văn hoá trong ứng xử, văn minh trong quản trị, an toàn trong đời sống, tiến bộ trong phát triển vừa là điều kiện, vừa là nền tảng để đất nước, dân tộc phát triển bền vững. Phương hướng căn bản là kiên trì mục tiêu *"dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh"*, người dân là trung tâm, chủ thể, mục tiêu và động lực; nhà nước pháp quyền là trụ cột; văn hoá là nền tảng tinh thần; đoàn kết toàn dân tộc là sức mạnh nội sinh; đổi mới sáng tạo, khoa học, công nghệ, chuyên

đổi số, tăng trưởng xanh là động lực mới. Trọng tâm trước hết là củng cố kỷ cương xã hội bằng thượng tôn pháp luật, cải cách hành chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; xây dựng đội ngũ cán bộ "*liêm chính, tận tụy, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm*", đề "*phép nước*" đi đôi với "*lòng dân*". Đồng thời, phát triển văn hoá và con người Việt Nam hiện đại mà giàu bản sắc; nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, an sinh; thu hẹp bất bình đẳng, chăm lo nhóm yếu thế, để không ai bị bỏ lại phía sau. Cùng với đó là bảo đảm an ninh con người: Trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; xây dựng môi trường sống xanh, sạch, an toàn. Khơi dậy khát vọng phát triển, củng cố niềm tin xã hội, lan toả chuẩn mực "*thượng tôn pháp luật, trọng danh dự, đề cao trách nhiệm, bình đẳng, hợp tác vì lợi ích chung*", tạo nên sức mạnh quốc gia để vững vàng bước vào kỷ nguyên mới.

4.8. Đại đoàn kết toàn dân tộc

Xác định đại đoàn kết toàn dân tộc là nền tảng hội tụ và phát huy cao nhất sức mạnh của Nhân dân, tạo nên sức mạnh vô địch để đất nước vượt qua mọi khó khăn, thử thách và vươn tới phát triển phồn vinh, hùng cường, Đảng đã chỉ đạo kiên trì thực hiện đường lối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng của khối liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; giải quyết hài hoà mối quan hệ lợi ích; bảo đảm công bằng, bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp xã hội và mỗi người dân trong tiếp cận cơ hội và thụ hưởng thành quả phát triển; phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường trách nhiệm, trật tự, kỷ cương; nêu cao ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân, cộng đồng với quốc gia, dân tộc.

5. Đột phá chiến lược

Trên nền những định hướng lớn, Báo cáo xác định giai đoạn 2026 - 2030 cần tập trung tạo đột phá mạnh mẽ ở 3 lĩnh vực có tính quyết định:

Thứ nhất, đột phá về thể chế và thực thi: Hoàn thiện đồng bộ pháp luật; nâng cao chất lượng chính sách; tăng cường kỷ luật thực thi; bảo đảm mọi chủ trương lớn đều có lộ trình, nguồn lực và cơ chế giám sát việc thực hiện; đẩy mạnh cải cách hành chính; xây dựng Chính phủ số; lấy hiệu quả phục vụ Nhân dân và doanh nghiệp làm thước đo.

Thứ hai, đột phá về nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo: Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, gắn đào tạo với nhu cầu thị trường lao động; tăng cường năng lực số, kỹ năng xanh; trọng dụng nhân tài; hình thành đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên gia, doanh nhân, nhà khoa học giỏi, công nhân kỹ thuật cao; xây dựng văn hoá học tập suốt đời.

Thứ ba, đột phá về hạ tầng đồng bộ, hiện đại: Ưu tiên hạ tầng giao thông chiến lược, hạ tầng năng lượng, hạ tầng đô thị và đặc biệt là hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu; phát triển hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu; bảo đảm liên kết vùng,

liên kết địa phương; mở rộng không gian phát triển theo quy hoạch tổng thể quốc gia.

Ba đột phá này có quan hệ hữu cơ. Thể chế mở đường; nhân lực quyết định tốc độ và chất lượng; hạ tầng tạo không gian và sức bật. Nếu làm đồng bộ sẽ tạo ra "đà" mới và "thế" mới, nhưng nếu làm nửa vời, chúng ta sẽ tự đánh mất cơ hội.

6. "Dân là gốc"

Tư tưởng xuyên suốt của Văn kiện và cũng là cội nguồn sức mạnh của cách mạng Việt Nam là: Dân là gốc. Nhân dân là trung tâm, là chủ thể, là mục tiêu và là động lực của phát triển. Mọi đường lối, chính sách phải hướng tới nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân; tôn trọng, lắng nghe và dựa vào Nhân dân.

Niềm tin của Nhân dân đối với Đảng không đến từ lời nói; niềm tin đến từ việc làm; từ sự công tâm, liêm chính của cán bộ; từ hiệu quả của bộ máy; từ sự công bằng trong thụ hưởng; từ việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp; từ việc giải quyết kịp thời những bức xúc chính đáng.

Trong giai đoạn mới, càng phải chăm lo xây dựng thế trận lòng dân. Thế trận lòng dân vững thì quốc phòng, an ninh vững. Thế trận lòng dân vững thì cải cách mới đi tới cùng. Thế trận lòng dân vững thì khó khăn nào cũng vượt qua, thách thức nào cũng được hoá giải, đúng như Bác Hồ của chúng ta đã dạy "*Dễ trăm lần không dân cũng chịu - Khó vạn lần dân liệu cũng xong*".

Trong công việc và trong cuộc sống, mỗi cán bộ, đảng viên đều phải thường xuyên tự hỏi: Việc này có làm cho dân bớt khó khăn không; có làm cho dân tin tưởng hơn không; có làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn không; có làm cho đất nước vững mạnh hơn không. Nếu câu trả lời chưa rõ thì phải tiếp tục hoàn thiện.

7. Tổ chức thực hiện

Qua tổng kết, đánh giá thực tiễn, Đảng đã xác định điểm yếu lớn nhất là nhiều chủ trương đúng, nhưng tổ chức thực hiện chưa đạt yêu cầu trong các kỳ Đại hội vừa qua. Vì vậy, Văn kiện lần này nhấn mạnh yêu cầu hành động; đề cao trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng cán bộ; kiên quyết khắc phục tình trạng nói nhiều làm ít, nói không đi đôi với làm, thậm chí "*nói hay, làm dở*", thiếu kiểm tra, giám sát; đề ra mục tiêu cao nhưng triển khai chậm, hiệu quả thấp...

Đảng đã xác định phải tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện; nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng. Trong đó, phải tập trung cao độ vào 5 nhóm việc để chuyển từ quyết tâm sang kết quả:

Thứ nhất, cụ thể hoá Văn kiện thành chương trình, kế hoạch với mục tiêu rõ, chỉ tiêu đo được, thời hạn cụ thể, phân công trách nhiệm cụ thể; mọi việc

phải có người chịu trách nhiệm, không để tình trạng "cha chung không ai khóc", "chuyên trách nhiệm cho nhau".

Thứ hai, thiết lập cơ chế giám sát, kiểm tra, đánh giá định kỳ và đột xuất; kiên quyết xử lý trì trệ, né tránh, đùn đẩy; khen thưởng kịp thời người làm tốt; đồng thời bảo vệ hiệu quả người dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Thứ ba, huy động và sử dụng nguồn lực hiệu quả; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm; không dàn trải; không chạy theo phong trào; không để thất thoát, lãng phí làm hao mòn niềm tin và làm chậm bước tiến của đất nước.

Thứ tư, thực hiện văn hoá công vụ liêm chính, chuyên nghiệp, phụng sự; lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm tiêu chí quan trọng; lấy dữ liệu và kết quả làm căn cứ đánh giá; kiên quyết ngăn chặn tiêu cực; tăng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Thứ năm, làm tốt công tác thông tin, truyền thông và đồng thuận xã hội. Cải cách sâu rộng sẽ đụng chạm lợi ích, vì vậy phải công khai, minh bạch, lắng nghe, giải thích thấu đáo; kiên trì thuyết phục, kiên quyết đấu tranh với mọi biểu hiện lợi dụng, xuyên tạc; đồng thời tôn trọng phản biện, xây dựng và kịp thời điều chỉnh những bất hợp lý trong thực tiễn.

Tổ chức thực hiện phải gắn với kỷ luật. Kỷ luật của Đảng phải đi trước. Kỷ cương phép nước phải nghiêm. Mọi quyền lực phải được kiểm soát. Mọi trách nhiệm phải được minh định. Mọi sai phạm phải bị xử lý. Và mọi nỗ lực chân chính vì dân, vì nước phải được ghi nhận, bảo vệ.

II- VỀ BÁO CÁO TỔNG KẾT MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG 40 NĂM QUA Ở VIỆT NAM

1. Bối cảnh thế giới, khu vực và trong nước

Báo cáo đã làm rõ sự biến chuyển phức tạp của tình hình thế giới và khu vực tác động đa chiều đến quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Những nét chính của bối cảnh 40 năm qua là: Sự sụp đổ của hệ thống chủ nghĩa xã hội thế giới; sự kết thúc Chiến tranh lạnh, thế giới chuyển từ "lưỡng cực" sang "nhất siêu, đa cường" và đang dần hình thành một thế giới đa cực, phân tuyến, nhiều tầng nấc. Toàn cầu hoá gia tăng; cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư bùng nổ; sự gia tăng của các vấn đề an ninh phi truyền thống... đã tác động đến phát triển các quốc gia và Việt Nam. Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, trong đó có Đông Nam Á nổi lên trở thành khu vực quan trọng của thế giới cả về kinh tế và chính trị, an ninh. Báo cáo cũng đã làm rõ tình hình đất nước qua 40 năm đổi mới; sự nhạy bén, tầm nhìn dự báo sáng suốt của Đảng cũng như sự thích ứng linh hoạt để tranh thủ thời cơ, vượt qua thách thức trước

biến động của tình hình, sáng tạo trong đường lối, chủ trương và lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn phát triển đất nước 40 năm qua.

2. Sự phát triển nhận thức lý luận của Đảng

Báo cáo làm rõ sự phát triển nhận thức lý luận về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, lý tưởng của Đảng ta, cũng là bài học xuyên suốt trong quá trình cách mạng, là vấn đề có tính nguyên tắc, có ý nghĩa sống còn với chế độ, là nền tảng chính trị vững chắc của Đảng ta. Đã xác định rõ mục tiêu tổng quát thời kỳ quá độ, mục tiêu cụ thể phù hợp với điều kiện thực tiễn từng giai đoạn; làm rõ các đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, từ 6 đặc trưng tại Đại hội VII đến 8 đặc trưng tại Đại hội XI, XII và XIII với sự bổ sung các nội hàm và mối quan hệ thống nhất, biện chứng giữa các đặc trưng. Đặc biệt, qua quá trình phát triển nhận thức lý luận, Đảng ta đã xác định *mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam* với các trụ cột chính là: Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Báo cáo xác định những phương hướng cơ bản xây dựng chủ nghĩa xã hội Việt Nam, các mối quan hệ lớn và lộ trình đi lên chủ nghĩa xã hội; nêu rõ sự phát triển nhận thức đột phá về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhận thức ngày càng rõ mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là "nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Khẳng định văn hoá là nền tảng tinh thần, mục tiêu, động lực, sức mạnh nội sinh quan trọng trong phát triển nhanh và bền vững đất nước, là "tài nguyên", "sức mạnh mềm" của quốc gia; bước chuyển nhận thức từ *quản lý xã hội* sang *quản lý phát triển xã hội bền vững*.

Báo cáo nêu rõ, trong 40 năm qua Đảng ta cũng đã từng bước phát triển, hoàn thiện nhận thức lý luận về bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi nước chưa nguy. Đảng ta cũng đã có sự phát triển nhận thức lý luận về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân; xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân gắn với xây dựng thể trận lòng dân vững chắc với nhiều điểm bổ sung mới về mục tiêu, quan điểm, nội dung, phương thức, giải pháp.

Trong lĩnh vực đối ngoại, Báo cáo đã chỉ rõ yêu cầu phải xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại, trong đó: Toàn diện về chủ thể, lĩnh vực, đối tác và địa bàn, công cụ và phương thức tiến hành; hiện đại về nội dung, phương pháp, cách thức, công cụ thực hiện; trong sự kết hợp hài hoà giữa bản sắc Việt Nam, truyền thống ngoại giao Việt Nam với các giá trị tiến bộ của thế giới đương đại.

Báo cáo xác định tư tưởng Hồ Chí Minh là một bộ phận hợp thành nền tảng tư tưởng của Đảng; bổ sung 2 nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng: Đảng giữ mối liên hệ mật thiết với Nhân dân và Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật; đã phát triển cấu trúc công tác xây dựng Đảng thành 5 mặt cơ bản: Chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ.

Báo cáo đã nêu 8 đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và phát triển nhận thức rõ hơn về vai trò của kiểm soát quyền lực nhà nước là phương tiện để Nhà nước tự mình giữ vững và phát huy bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; nhấn mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực là nhiệm vụ quan trọng, kiên trì, lâu dài trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa là thực chất của việc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị, đây vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới.

Tuy nhiên, nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa thật đầy đủ và mang tính hệ thống; nhận thức về phát triển văn hoá, xã hội, con người chưa bao quát hết phạm vi rộng lớn; hệ giá trị văn hoá, con người Việt Nam chưa được nhận thức đầy đủ; nhận thức về vị trí, vai trò của đối ngoại trong điều kiện quốc tế mới còn hạn chế; nhận thức về thế và lực mới của đất nước, về đối tác lớn chưa theo kịp tiến trình hội nhập quốc tế sâu rộng; nhận thức và cụ thể hoá quan hệ "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ" còn chậm...

3. Những thành tựu và hạn chế

Báo cáo khẳng định, qua 40 năm thực hiện đường lối đổi mới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình với định hướng xã hội chủ nghĩa được giữ vững; vai trò, vị thế và uy tín quốc tế của quốc gia được nâng cao; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được cải thiện rõ rệt; quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc. Những thành tựu đó là minh chứng rõ nét cho tính đúng đắn của đường lối đổi mới phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng Cộng sản và Nhân dân Việt Nam đã lựa chọn.

Bên cạnh thành tựu, một số hạn chế trên các lĩnh vực, như: Kinh tế phát triển chưa đáp ứng kỳ vọng; thể chế phát triển văn hoá, xã hội chậm đổi mới; còn hiện tượng coi nặng kinh tế trong quan hệ với các lĩnh vực khác; thế và lực mới của đất nước chưa được phát huy tối ưu... Các nguyên nhân của thành tựu và hạn chế được phân tích cụ thể và khẳng định có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu.

4. Khái quát chung, vấn đề đặt ra và bài học kinh nghiệm

Dự thảo Báo cáo đã đánh giá khái quát và nêu một số vấn đề đặt ra cần tiếp tục hoàn thiện nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới trong giai đoạn mới. Đó là, nhận thức chung về chủ nghĩa xã hội và mô hình

chủ nghĩa xã hội Việt Nam cần được tiếp tục luận giải rõ hơn cơ sở lý luận của những giá trị, hình thức, các bước "trung gian, quá độ" trong phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Cần có sự thống nhất khái niệm và làm rõ hơn sự giống nhau và khác nhau giữa các "đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa Việt Nam" và "đặc trưng cơ bản của xã hội Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội". Cần nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện hệ giá trị con người và hệ giá trị văn hoá, tạo sự thống nhất về nhận thức và triển khai thực hiện...

Điểm mới nổi bật trong Báo cáo là trên cơ sở đánh giá những thành tựu và hạn chế qua 40 năm đổi mới đã đúc kết rút ra 5 bài học kinh nghiệm quý báu mang tầm lý luận, có giá trị định hướng thực tiễn cho sự nghiệp cách mạng của đất nước trong kỷ nguyên mới (trong Dự thảo Báo cáo chính trị).

5. Dự báo tình hình, đề xuất quan điểm, định hướng giải pháp tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới

Dự thảo Báo cáo đã dự báo tình hình thế giới và trong nước, đưa ra đánh giá về cơ hội và thách thức trên các lĩnh vực phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường; văn hoá, xã hội và con người; quốc phòng, an ninh và đối ngoại; trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị và trong bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa. Báo cáo nêu 5 quan điểm xây dựng, phát triển đất nước trong giai đoạn mới, trong đó có những nội dung cơ bản như: Kiên định đường lối đổi mới; thực hiện tự chủ chiến lược phát triển, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia, dân tộc; lấy phát triển để ổn định, ổn định để thúc đẩy phát triển, nâng cao đời sống nhân dân, trong đó phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, xây dựng, phát triển văn hoá, con người là nền tảng, nguồn lực nội sinh, động lực quan trọng cho sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước; tăng cường quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên...

Báo cáo đã nêu rõ một số định hướng giải pháp cơ bản, được Trung ương nhất trí cao, đó là: *Thứ nhất*, tiếp tục hoàn thiện thể chế phát triển nhanh, bền vững, trước hết là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với cơ cấu lại nền kinh tế, xác lập mô hình tăng trưởng mới. *Thứ hai*, xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện. *Thứ ba*, phát triển và quản lý phát triển xã hội bền vững trên cơ sở dân chủ, khoa học, pháp quyền. *Thứ tư*, củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững hoà bình, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, ổn định để phát triển đất nước. *Thứ năm*, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá, đưa quan hệ đối ngoại vào chiều sâu, nâng cao chất lượng, hiệu quả hội nhập quốc tế. *Thứ sáu*, xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị; hoàn thiện và phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

III- VỀ BÁO CÁO TỔNG KẾT 15 NĂM THI HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG VÀ ĐỀ XUẤT, ĐỊNH HƯỚNG BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG

1. Đánh giá chung

Trên cơ sở tổng kết của Trung ương, các cấp uỷ, tổ chức đảng trong toàn Đảng, có thể khẳng định 15 năm qua Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương, của các cấp uỷ được các cấp uỷ, tổ chức đảng, đảng viên thi hành nghiêm túc, góp phần rất quan trọng trong việc xây dựng Đảng ta ngày càng trong sạch, vững mạnh; là nền tảng giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng; bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với Nhà nước và xã hội. Công tác phổ biến, quán triệt Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương luôn được các cấp uỷ, tổ chức đảng chủ động triển khai thường xuyên và kịp thời, bài bản, đúng đối tượng và kế hoạch đề ra. Việc cụ thể hoá Điều lệ Đảng được Trung ương, các cấp uỷ, cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ các cấp tập trung thực hiện. Trong nhiệm kỳ Đại hội XI, XII, XIII của Đảng, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã nhiều lần ban hành quy định thi hành Điều lệ Đảng¹, đồng thời, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, hướng dẫn cụ thể các nội dung của Điều lệ Đảng. Các quy định, hướng dẫn của Trung ương được nghiên cứu, chuẩn bị nghiêm túc, bài bản, công phu, kỹ lưỡng, khoa học, đồng bộ, lấy ý kiến rộng rãi của các cấp uỷ, tổ chức đảng, phù hợp thực tiễn, đã cụ thể hoá và làm rõ hơn nguyên tắc, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác, quy trình, thủ tục; cơ bản phù hợp, đáp ứng yêu cầu công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, tạo cơ sở chính trị, pháp lý vững chắc để thực hiện thành công cuộc cách mạng về tổ chức bộ máy, hoàn thiện mô hình tổng thể của hệ thống chính trị bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đồng bộ, thống nhất từ Trung ương đến địa phương, hướng mạnh về cơ sở và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo thuận lợi cho các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị sau sắp xếp tổ chức bộ máy hoạt động liên tục, thông suốt. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp uỷ, tổ chức đảng, đảng viên trong toàn Đảng đã thực hiện nghiêm quy định của Điều lệ Đảng; đồng thời, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thi hành Điều lệ Đảng. Công tác kiểm tra, giám sát việc quán triệt và thi hành Điều lệ Đảng, quy định, hướng dẫn của Trung ương được các cấp uỷ, cơ quan tham mưu, giúp việc, uỷ ban kiểm tra cấp uỷ quan tâm thực hiện thường xuyên và gắn với việc tổng kết thi hành Điều lệ Đảng, bảo đảm Điều lệ Đảng được phổ biến, quán triệt sâu rộng, thi hành nghiêm chỉnh, thống nhất trong toàn Đảng. Công tác phát triển đảng viên đạt kết quả cao; cơ cấu đảng viên chuyển biến theo hướng tích cực, trình độ học vấn,

¹ Riêng nhiệm kỳ Đại hội XIII, để tạo cơ sở chính trị, pháp lý thực hiện cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy và bổ sung, sửa đổi một số nội dung cho phù hợp thực tiễn công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã 3 lần ban hành quy định thi hành Điều lệ Đảng; 3 lần ban hành quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

chuyên môn, nghiệp vụ của đảng viên được nâng lên, tỉ lệ đảng viên trẻ, nữ, người dân tộc thiểu số, người theo tôn giáo ngày càng tăng.

Trong các nhiệm kỳ qua, mặc dù không sửa Điều lệ Đảng, nhưng Đại hội XII, Đại hội XIII đã quyết định hoặc giao Ban Chấp hành Trung ương Đảng cụ thể hoá nhiều nội dung, vấn đề quan trọng, cấp thiết của Đảng vào các quy định, hướng dẫn của Trung ương để quyết định những vấn đề có tính cách mạng, lãnh đạo, chỉ đạo đất nước tự tin, vững bước tiến vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình, phát triển giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc, như: Tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã; kết thúc hoạt động của các đảng đoàn, ban cán sự đảng ở cấp Trung ương và cấp tỉnh; Bộ Chính trị, cấp uỷ cấp trên chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra đảng uỷ trực thuộc Trung ương và những nơi thành lập mới các cấp uỷ, tổ chức đảng; tổ chức các đảng bộ xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ là đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng; bố trí bí thư, chủ tịch, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra, chánh thanh tra cấp tỉnh không phải người địa phương...

Đạt được những kết quả nêu trên là do: (1) Điều lệ Đảng đã xác định rõ tôn chỉ, mục đích, hệ tư tưởng, các nguyên tắc về tổ chức, hoạt động, hệ thống tổ chức, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng và quy định trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của tổ chức đảng, đảng viên; đã được thực hiện ổn định qua nhiều nhiệm kỳ. (2) Sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, sâu sát của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp uỷ, tổ chức đảng. (3) Sự chủ động, tích cực, trách nhiệm của các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ các cấp. (4) Ý thức tự giác, nghiêm túc chấp hành của tổ chức đảng, đảng viên; trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong việc chấp hành Điều lệ và các quy định của Đảng. (5) Kế thừa, phát huy những kết quả, kinh nghiệm của các nhiệm kỳ trước.

Tuy nhiên, quá trình thi hành Điều lệ Đảng còn một số hạn chế, vướng mắc: Một số cấp uỷ, tổ chức đảng và đảng viên nhận thức chưa đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của Điều lệ Đảng; việc thường xuyên học tập, nghiên cứu sâu, nắm vững Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương của cấp uỷ, tổ chức đảng và đảng viên ở một số nơi còn hạn chế; chưa chấp hành nghiêm Điều lệ Đảng, còn vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ và các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, vi phạm quy chế làm việc. Một số nội dung trong Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn còn bất cập, chưa bao quát hết các đối tượng và chưa đồng bộ, việc cụ thể hoá một số quy định còn chưa kịp thời. Trong sinh hoạt cấp uỷ, chi bộ, việc tự phê bình và phê bình có lúc, có nơi chưa thực chất, chưa thường xuyên, tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm còn diễn ra ở nhiều nơi. Một số tổ chức đảng chưa nghiêm túc thực hiện quy định về thi hành kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên, vẫn còn hiện

tượng nề nang, né tránh, cục bộ; chưa đúng nguyên tắc, thủ tục, không đúng thẩm quyền, quy trình, quy định.

Ngoài những hạn chế, vướng mắc nêu trên, mặc dù không sửa Điều lệ Đảng, nhưng Đại hội XIII đồng ý cho nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến của Đại hội để cụ thể hoá vào các quy định, hướng dẫn của Trung ương và những vấn đề quan trọng có tính cách mạng đang được thực hiện, trong quá trình thi hành Điều lệ Đảng có một số nội dung trong các quy định, hướng dẫn còn bất cập: (1) Về cụ thể hoá nguyên tắc tập trung dân chủ. (2) Về độ tuổi kết nạp đảng viên, về thẻ đảng viên, về giới thiệu sinh hoạt đảng và sinh hoạt đảng tạm thời. (3) Về trường hợp được quy định cơ cấu là cấp uỷ viên, bí thư cấp uỷ nhưng không phải là đảng viên của tổ chức đảng đó. (4) Về đảng bộ cấp trên của tổ chức cơ sở đảng và tổ chức cơ sở đảng (chưa phù hợp); mô hình tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng (chưa quy định rõ). (5) Về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng, chi bộ chưa bao quát hết các loại hình. (6) Về cơ quan lãnh đạo của Đảng ở địa phương (*cấp tỉnh, cấp xã*); về đảng bộ bộ phận. (7) Một số quy định cụ thể về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng; thẩm quyền kỷ luật của ban thường vụ, uỷ ban kiểm tra đảng uỷ cơ sở. (8) Một số quy định về công tác khen thưởng và thời hiệu kỷ luật, bổ trí, sử dụng cán bộ, đảng viên sau khi bị kỷ luật. (9) Về tổ chức và phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng, đảng viên trong các cơ quan lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội do bầu cử lập ra; trong các cơ quan hành pháp, tư pháp ở Trung ương và cấp tỉnh; Đảng lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. (10) Một số văn bản về việc thực hiện công tác đảng phí. (11) Về chuyển đổi số và cải cách hành chính trong Đảng.

2. Bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng

2.1. Về quan điểm, nguyên tắc: (1) Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; đồng bộ với bổ sung, sửa đổi Cương lĩnh chính trị và Hiến pháp. (2) Kế thừa và giữ vững các nội dung có tính nguyên tắc, bản chất của Đảng. (3) Điều lệ Đảng không nên quy định quá chi tiết, cụ thể. Những nội dung trong quy định thi hành Điều lệ Đảng đã rõ, phù hợp với mô hình tổng thể tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và thực tiễn thì nghiên cứu bổ sung, sửa đổi.

2.2. Đề xuất, kiến nghị: Báo cáo đề xuất Đại hội XIV giao Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV:

(1) Xem xét, quyết định một số chủ trương, công việc lớn, quan trọng chưa được quy định trong Điều lệ Đảng hoặc có quy định trong Điều lệ Đảng nhưng không còn phù hợp tình hình thực tiễn; báo cáo kết quả thực hiện với Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng kế tiếp để xem xét, thông qua.

(2) Lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu, tổng kết thực tiễn để đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng, Cương lĩnh chính trị xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trình Đại hội XV của Đảng vào dịp 100 năm thành lập Đảng ta (1930 - 2030).

(3) Định hướng nội dung và giao Bộ Chính trị chỉ đạo các cơ quan chức năng tiến hành nghiên cứu, tổng kết thực tiễn thi hành Điều lệ Đảng ngay từ đầu nhiệm kỳ để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, đề xuất bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng theo từng chương, điều của Điều lệ Đảng, tập trung vào các chương, điều sau: (i) Điều 7 về việc miễn sinh hoạt đảng trong một số trường hợp đặc biệt. (ii) Khoản 2, Điều 10 về lập tổ chức cơ sở đảng đặt dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; việc lập tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng. (iii) Chương IV về cơ quan lãnh đạo của Đảng ở các cấp địa phương. (iv) Chương V về tổ chức cơ sở đảng; đảng bộ bộ phận; chi bộ; việc sinh hoạt định kỳ của đảng bộ cơ sở, chi bộ. (v) Khoản 3, Điều 28 về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam. (vi) Chương VII về việc chỉ định uỷ ban kiểm tra các cấp trong trường hợp cần thiết; việc chỉ đạo của uỷ ban kiểm tra cấp trên đối với cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra cấp dưới trong kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; bổ sung nhiệm vụ kiểm soát tài sản, thu nhập của uỷ ban kiểm tra từ cấp xã trở lên; nâng tầm công tác giám sát... (vii) Chương VIII về rà soát, chỉnh sửa thẩm quyền thi hành kỷ luật, giải quyết tố cáo, khiếu nại của tổ chức đảng theo mô hình tổ chức bộ máy hiện nay. (viii) Điều 42, Điều 43 Chương IX về Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội. (ix) Chương X về Đảng lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. (x) Một số nội dung khác để bảo đảm tính nguyên tắc, hệ thống, thống nhất, đồng bộ, rõ ràng của Điều lệ Đảng; các nội dung có liên quan kết quả thực hiện Nghị quyết số 18 về sắp xếp, kiện toàn hệ thống chính trị.

IV- VỀ BÁO CÁO KIỂM ĐIỂM SỰ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ XIII

Báo cáo đánh giá, nhiệm kỳ qua, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư luôn đổi mới tư duy, phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo, bám sát quan điểm, đường lối, quy chế làm việc và tình hình thực tiễn; chủ động nắm bắt thời cơ, tổ chức thực hiện linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động, góp phần đạt được nhiều thành tựu, kết quả rất quan trọng, toàn diện trên các lĩnh vực.

Tổ chức thực hiện quyết liệt cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy, hoàn thiện cơ bản mô hình tổng thể của hệ thống chính trị, được cán bộ, đảng viên, Nhân dân đồng tình, ủng hộ. Sự phối hợp giữa Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội được tăng cường, huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, phát huy quyền làm chủ của

Nhân dân, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng.

Tổ chức triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với nhiều quyết sách quan trọng có tính đột phá, chiến lược; kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát; tiềm lực, quy mô và sức cạnh tranh của nền kinh tế tiếp tục được nâng lên; thu nhập bình quân đầu người vượt mục tiêu Đại hội XIII đề ra; tiến bộ, công bằng, phúc lợi và an sinh xã hội, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt.

Không ngừng hoàn thiện và phát triển tư duy lý luận, đường lối, chủ trương về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới; củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, trật tự, an toàn xã hội; mở rộng, nâng tầm quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế. Tham gia tích cực, có trách nhiệm vào các cơ chế hợp tác đa phương giải quyết những vấn đề thách thức toàn cầu, xử lý linh hoạt, cân bằng, hài hoà các mối quan hệ song phương, góp phần tiếp tục củng cố, nâng cao vị thế, uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

Báo cáo đánh giá những kết quả đạt được của nhiệm kỳ Đại hội XIII có nhiều nguyên nhân, nhưng bao trùm là sự quyết tâm, nỗ lực phấn đấu cao độ, sự chung sức, đồng lòng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân vì mục tiêu chung. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư là trung tâm, hạt nhân lãnh đạo luôn kiên định, bản lĩnh, trí tuệ, giữ vững nguyên tắc, đoàn kết, thống nhất cao, bình tĩnh, sáng suốt, nhạy bén, kịp thời có chủ trương, quyết sách đúng đắn, phù hợp với tình hình thực tế, bảo đảm lợi ích cao nhất của đất nước, của Nhân dân.

Bên cạnh những kết quả quan trọng đã đạt được, Báo cáo cũng đã thẳng thắn chỉ rõ những hạn chế như: Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thể chế hoá, cụ thể hoá, tổ chức thực hiện một số chủ trương, nghị quyết của Đảng vẫn còn có mặt hạn chế; có lúc, có nơi, có việc chưa quyết liệt, chưa theo kịp tình hình và yêu cầu phát triển nhanh, bền vững. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, tháo gỡ các vướng mắc, điểm nghẽn trong một số lĩnh vực còn chậm, chưa đồng bộ, hiệu quả. Nhiều yếu kém, bất cập tồn đọng, tích tụ từ trước chưa được xử lý kịp thời, triệt để, gây hệ lụy kéo dài. Hệ thống thể chế có mặt chưa đồng bộ, còn là "điểm nghẽn của điểm nghẽn". Lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường vẫn còn một số hạn chế, bất cập. Tăng trưởng kinh tế vẫn dưới mức tiềm năng; năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao; tốc độ tăng năng suất lao động thấp hơn mục tiêu Đại hội XIII đề ra. Đổi mới phong cách, lề lối làm việc, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, năng lực dự báo tình hình, tư duy và tầm nhìn chiến lược có mặt còn hạn chế. Năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành của một số cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là người đứng đầu chưa thực sự ngang tầm nhiệm vụ; còn tình trạng "tư duy

nhiệm kỳ", "lợi ích nhóm", đùn đẩy, né tránh, không dám làm, không dám đổi mới sáng tạo. Chưa phát huy hiệu quả vai trò giám sát của Nhân dân.

Công tác chính trị, tư tưởng, tự phê bình, phê bình chưa thường xuyên, liên tục, chưa thực sự hiệu quả; công tác kiểm tra, giám sát có lúc, có nơi chưa đáp ứng yêu cầu. Một số tổ chức đảng, cơ quan quản lý cán bộ còn chưa chủ động, chưa nêu cao trách nhiệm, thiếu sâu sát trong công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Một số đồng chí Trung ương, trong đó có cả cán bộ cấp cao, cán bộ chủ chốt thiếu tu dưỡng, rèn luyện, thiếu vững vàng, kiên định, thiếu gương mẫu trong công tác và cuộc sống, suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, gây bức xúc trong Đảng, xã hội, Nhân dân, ảnh hưởng đến uy tín và sức chiến đấu của Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư xin nghiêm túc kiểm điểm, tự phê bình trước Đại hội và toàn Đảng, toàn dân về những hạn chế, khuyết điểm nêu trên.

Từ công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong nhiệm kỳ Đại hội XIII, Báo cáo đã rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

1. Trong lãnh đạo, chỉ đạo luôn kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới; thực hiện nghiêm Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng. Giữ gìn, củng cố, tăng cường sự đoàn kết, thống nhất, kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và hệ thống chính trị; kế thừa, phát huy kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo của các nhiệm kỳ trước; nêu cao tinh thần đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, trước hết là lãnh đạo cấp cao, nhất là người đứng đầu. Tầm nhìn, định hướng chiến lược của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đồng chí Tổng Bí thư là nhân tố quyết định thành công, tạo sự thống nhất cao trong toàn Đảng, sự đồng thuận trong Nhân dân.

2. Bám sát đường lối, chủ trương, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, quy chế làm việc, chương trình toàn khoá, chương trình làm việc hằng năm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đồng thời điều chỉnh, bổ sung kịp thời, phù hợp thực tiễn. Không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo, phân công, phân nhiệm cụ thể, rõ ràng, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

3. Lãnh đạo, chỉ đạo với bản lĩnh và quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình, bước đi phù hợp; nhất quán, kiên định về chiến lược, linh hoạt, mềm dẻo về sách lược; đối với những vấn đề lớn, mới, phức tạp, nhạy cảm, chưa có tiền lệ phải được thảo luận dân chủ tạo sự thống nhất cao. Kiểm tra, giám sát thường xuyên, quyết tâm, quyết liệt tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc, khắc phục những

tồn tại, yếu kém kéo dài và công khai, minh bạch tiến độ, trách nhiệm, kết quả để Nhân dân giám sát. Chủ động nghiên cứu, nắm bắt, dự báo sát, đúng tình hình, có tư duy sáng tạo và đổi sách, phương pháp phù hợp, kịp thời, hiệu quả.

4. Thường xuyên bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, trực tiếp mọi mặt của các cấp uỷ đảng với mục tiêu bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Chủ động thích ứng với tình hình mới, khai thác, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, động lực trong xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc; chủ động, tích cực hội nhập sâu rộng vào nền chính trị thế giới, nền kinh tế toàn cầu và nền văn minh nhân loại.

5. Không ngừng tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng. Đặc biệt, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và cấp cơ sở thực sự tiêu biểu, có tư duy, năng lực quản trị tiên tiến, phù hợp với mô hình tổ chức mới và yêu cầu phát triển bứt phá của đất nước. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, không có vùng cấm, không có ngoại lệ; bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo vì lợi ích chung. Tăng cường mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào dân để xây dựng Đảng, thực sự cầu thị, lắng nghe ý kiến của Nhân dân.

6. Công tác tuyên truyền phải kịp thời, sắc bén, minh bạch, chống các luận điệu xuyên tạc, sai trái, xấu độc gây tác động tiêu cực, làm cản trở sự phát triển đất nước.

V- VỀ BẦU CỬ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG, BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ VÀ ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG KHOÁ XIV

Đại hội XIV đã thảo luận và quyết định Quy chế bầu cử theo tinh thần Quy chế bầu cử trong Đảng (ban hành kèm theo Quyết định số 190-QĐ/TW, ngày 10/10/2024 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII) và kế thừa các quy định đã được thực hiện tại các đại hội trước; đồng thời, bổ sung, sửa đổi một số điểm cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn hiện nay và tiếp thu kinh nghiệm tốt đã được kiểm chứng qua đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội XIV của Đảng. Việc hoàn thiện Quy chế nhằm phát huy hơn nữa dân chủ, trí tuệ gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm và sự gương mẫu của đại biểu dự Đại hội; bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng, khắc phục một số hạn chế trong công tác bầu cử tại Đại hội XIII.

1. Kết quả bầu cử Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV

Đại hội thông qua danh sách bầu Ủy viên Trung ương Đảng chính thức gồm 199 đồng chí và biểu quyết bầu lấy 180 đồng chí (bằng số lượng Ủy viên

Trung ương Đảng chính thức khoá XIII). Thông qua danh sách bầu Ủy viên Trung ương Đảng dự khuyết gồm 23 đồng chí và biểu quyết bầu lấy 20 đồng chí (bằng số lượng Ủy viên Trung ương Đảng dự khuyết khoá XIII).

Đại hội đã tiến hành bầu cử đúng Quy chế, bầu một lần đủ 180 đồng chí Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương Đảng và 20 đồng chí Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV.

2. Kết quả bầu cử Bộ Chính trị, Tổng Bí thư, Ban Bí thư

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV đã họp Hội nghị lần thứ nhất để bầu các cơ quan lãnh đạo của Đảng, kết quả:

- Bộ Chính trị khoá XIV có 19 đồng chí, trong đó có 10 đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị khoá XIII tái cử và 9 đồng chí lần đầu tham gia.

- Đồng chí Tô Lâm, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII được Ban Chấp hành Trung ương Đảng bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV.

- Ban Bí thư khoá XIV sẽ có một số đồng chí là Ủy viên Bộ Chính trị phân công tham gia Ban Bí thư và 3 đồng chí do Ban Chấp hành Trung ương Đảng bầu.

3. Kết quả bầu Ủy ban Kiểm tra Trung ương

Tại Hội nghị lần thứ nhất, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV đã bầu Ủy ban Kiểm tra Trung ương khoá XIV gồm 23 đồng chí. Đồng chí Trần Sỹ Thanh được bầu tiếp tục làm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương khoá XIV.

*

* *

Thành công rất tốt đẹp của Đại hội XIV thể hiện niềm tin, ý chí, quyết tâm và tầm nhìn phát triển mới của Đảng và dân tộc ta. Đây là tiền đề vững chắc để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta tự chủ chiến lược, tự tin, tự cường, tiến mạnh trong kỷ nguyên mới, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV, vì một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, Đại hội kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân cả nước, đồng bào ta ở nước ngoài phát huy cao độ tinh thần yêu nước, ý thức trách nhiệm công dân, khát vọng phát triển, quyết tâm thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội XIV của

Đảng, đến năm 2030 hoàn thành thắng lợi mục tiêu trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và hiện thực hoá mục tiêu đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, sánh vai với các cường quốc khắp năm châu như tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu và ước vọng của toàn thể dân tộc ta./.